

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+P11+TD1	7:25	11+0+10	0+0+0		5+0+16	0+0+0	chuyen 1 p11-TD1
2		BK10+P8	7:25	1+21	0+0		1+21	0+0	
3		BK8+C10+TD1	7:25	5+11+6	0+0+0		2+13+7	0+0+0	chuyen 1 clo-td1
4		SAVR+BK20+CTK3	9:25	13+2+4	0+0+0		15+2+5	0+0+0	chuyen 1 bk20-ctk3
5		P9+P10+P6	9:25	8+1+13	0+0		3+1+17	0+0	
6		KNT+TD5+KNT	9:25	15+5+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	chuyen 1 TD5-KNT
7		BK15+TTC1+TTC3	11:25	8+6+5	0+0+0		9+6+5	0+0+0	chuyen 1bk15-ttc1
8		P8+KNT	11:25	12+9	0+0		3+19	0+0	
9		BK21+P6+SAVR	11:25	4+15+1	0+0+0		2+12+7	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày BK15-Ing DK



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TTC2 - P11 - TD1	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/2862	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	PHUNG MINH HIEU	TTC2	97	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
2	HO TRUONG KIEN	TTC2	99	1	7			98	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN TUAN	TTC2						52	KH-THAC	Vietnamese
4	LE PHUONG	TTC2	200	1	4	3	43	56	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM NGOC DINH	TTC2	04-05	2	20			83	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG THANH SON	TTC2	03	1	13	2	40	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HUU TRUONG	TTC2	06-07	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM TUNG DUONG	TTC2	09-10	2	9			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HOAN	TTC2	08	1	10			70	XAYLAP	Vietnamese
10	LE TIEN QUY	TTC2	98	1	4			72	PSV	Vietnamese
11	QUACH THANH DO	TTC2	01-02	2	15			66	DK9	Vietnamese
12	HA MINH TUAN	TD1	03	1	8			67	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN KIEN	TD1	05	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
14	VU TU NAM	TD1	08-09	2	13			75	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM DOI	TD1	01	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	10	1	8			62	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG MINH SON	TD1	02	1	12			72	ANTOAN	Vietnamese
18	BUI VAN THOI	TD1	12	1	4			71	YTE	Vietnamese
19	HO QUANG HIEP	TD1	06	1	3			65	DK9	Vietnamese
20	LE VAN BINH	TD1	04	1	6	1	23	58	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN QUANG	TD1	07	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN MINH BANG	TD1	53	1	6			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	11	786	14	103	5	83	5		
2	P11	0	0	0	0	0	0	0+01	CHUYEN 1PAX TU P11 SANG TD1	
3	TD1	11	779	12	76	1	23	16		
TOTAL		22	1.565	26	179	6	106	21		
WEIGHT KG			1.565		179		106			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK10 - P8	CREW: XHOÀN - ĐNAM - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/2865	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK10	02	1	7	3	45	60	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN THÀNH HAI	P8	64	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN QUÊ	P8	71	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG CÔNG	P8	88-89	2	17			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P8						64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	P8	92-93	2	12			73	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO TIẾN ĐẠT	P8	60	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN CUONG	P8	90	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
9	THAI TRỌNG BÌNH	P8	91	1	12			82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ HÙNG HAI	P8	87,2000	2	15			73	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY HIẾU	P8	61	1	14			81	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN ĐẠT	P8	55-56	2	11	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGÔ TRUNG KIẾN	P8	53-54	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC TÙNG	P8	69-70	2	8			75	YTE	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HOA	P8	57	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN ANH	P8	67-68	2	20			58	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG PHÚC HÙNG	P8	66	1	12			93	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TỬ ANH	P8	59	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRI HÙNG	P8	62-63	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN TÙNG	P8	94	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HUY	P8	58	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG THĂNG	P8	65	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK10	1	60	1	7	3	45	1		
2	P8	21	1.501	28	211	1	17	21		
TOTAL		22	1.561	29	218	4	62	22		
WEIGHT KG			1.561		218		62			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: BK8 - CLO - TD1	CREW: DƯƠNG - XTRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/2868	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	PHAM THE QUANG	BK8	57	1	15	1	10	75	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ANH TUAN	BK8	60	1	12	2	30	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN NHAT KIM LONG	BK8	61	1	14			56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN PHUONG DUY	BK8	59	1	15			136	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI DAC CANH	BK8	53	1	5			67	PSV	Vietnamese
6	VUONG NGOC HOAN	CLO	34	1	7	1	15	71	KHOAN	Vietnamese
7	VU HAI LONG	CLO	31	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DANG MANH	CLO	25	1	11			52	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	27	1	9			74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LUC	CLO	26	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN CHI NGHIỆP	CLO	33	1	3			80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN SI LONG	CLO	29	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
13	TU QUOC VIET	CLO	32	1	11			63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VINH	CLO	30	1	10			71	KHOAN	Vietnamese
15	LAM XUAN TU	CLO	28	1	7			81	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN TUAN	CLO	24	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN VAN KHANH	TD1	55	1	6	1	15	77	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DINH NAM	TD1	54	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
19	VU QUY VINH	TD1	56-57	2	12			76	KHOAN	Vietnamese
20	DOROSHENKO MAXIM	TD1	51	1	10			99	KHOAN	Russian
21	PHAN THANH TAI	TD1	52	1	9			52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	5	405	5	61	3	40	2		
2	CLO	11	774	11	81	1	15	137	CHUYEN 1 PAX CLO-TD1	
3	TD1	5	380	6	41	1	15	7		
TOTAL		21	1.559	22	183	5	70	22		
WEIGHT KG			1.559		183		70			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO:SAVR - BK20 - CTK3	CREW: XHOÀN - ĐNAM - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/2866	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LAM	SAVR	71-72	2	15	1	7	70	KH-THAC	Vietnamese
2	SHOKHIN IGOR	SAVR	63	1	11			106	AMNGR	Russian
3	ZAKHARENKO VLADIMIR	SAVR	67-68	2	14	1	5	78	AMNGR	Russian
4	KOROTKOV ANDREI	SAVR	65-66	2	8			116	AMNGR	Russian
5	OSMAKOV ALEKSANDR	SAVR	64	1	4			128	AMNGR	Russian
6	NGUYỄN VĂN SAU	SAVR	61	1	10			76	AMNGR	Vietnamese
7	THAI HỮU MINH	SAVR	70	1	11			104	AMNGR	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH QUỐC	SAVR	69	1	13			58	AMNGR	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TỰ	SAVR	74	1	7			80	AMNGR	Vietnamese
10	LÊ HAI	SAVR	76	1	13			81	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤN PHONG	SAVR	59-60	2	17			70	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH VU	SAVR	62	1	18			77	BAKER HU	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN BIÊN	SAVR	75	1	11	2	22	72	VMI	Vietnamese
14	TRẦN KHÁC DUY	BK20	56-57	2	17	2	30	70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN VINH	BK20	58	1	12			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	50	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUƠNG	CTK3	49	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH THANH LAM	CTK3	69	1	13	2	32	69	CODIEN	Vietnamese
19	ĐÌNH MẠNH ĐỨC	CTK3	48	1	5			70	SANBAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.116	17	152	4	34	15		
2	BK20	2	130	3	29	2	30	2	CHUYEN 1 PAX BK20-CTK3	
3	CTK3	4	277	4	25	2	32	5		
TOTAL		19	1.523	24	206	8	96	22		
WEIGHT KG			1.523		206		96			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P9 - P10 - P6	CREW: HUNG - MTHAO - THU	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/2863	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	HOANG MINH TRI	P9	14	1	8	1	14	87	BIEN DONG	Vietnamese
2	TRANG NGOC HAI	P9	87	1	13			65	BIEN DONG	Vietnamese
3	NGO SY TRINH	P9	17-18	2	9			58	BIEN DONG	Vietnamese
4	VU VAN CHUNG	P9	21-22	2	7			71	BIEN DONG	Vietnamese
5	PHAM VAN LUONG	P9	15-16	2	14			62	BIEN DONG	Vietnamese
6	NGUYEN HUU THANG	P9	88-89	2	11			75	BIEN DONG	Vietnamese
7	ĐAM HUY TRUNG	P9	13,28	2	18			60	BIEN DONG	Vietnamese
8	PHẠM THANH HUNG	P9	19	1	6			63	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC DU	P10	95	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	CHERNHIAVSKY D.C.	P6	60	1	11			118	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN VAN SAU	P6	62	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THE UU	P6	61	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
13	VU VAN HOAN	P6	58	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH HOAI NAM	P6	68	1	9	1	14	81	KH-THAC	Vietnamese
15	VU ĐINH HOAN	P6	65	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HIEU	P6	63	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN ĐINH TUYEN	P6	59	1	8			65	YTE	Vietnamese
18	HA DUY ĐONG	P6						91	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TIEN DUNG	P6	66	1	7			85	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG THỌ TÂM	P6	64	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HỒNG GIANG	P6	57	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN HIỆP	P6	69	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	8	541	13	86	1	14	3		
2	P10	1	68	1	4	0	0	1		
3	P6	13	1.045	12	78	1	14	17		
TOTAL		22	1.654	26	168	2	28	21		
WEIGHT KG			1.654		168		28			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

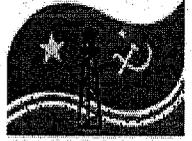
NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG
MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:KNT - TD5 - KNT.	CREW: DƯƠNG - XTRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/2869	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG VĂN MẠNH	KNT	67-68	2	9			68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐÔNG	KNT	65-66	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC BÌNH	KNT	69-71	3	20			82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRẦN ĐỨC KHANH	KNT	74	1	6			85	GETRACO	Vietnamese
5	VUÔNG VĂN THÔNG	KNT	85	1	5	4	20	66	YTE	Vietnamese
6	TRẦN ANH VIỆT	KNT	77-78	2	10			78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THAO	KNT	61	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH DUY	KNT	62	1	5			83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	KNT	58	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CAO MẠNH	KNT	57,79-80	3	21			70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÂM TRỌNG ĐẠI	KNT	75-76	2	16			60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC DU	KNT	59-60	2	7			67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	KNT	73	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC VIỆT	KNT	72	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HUỠNH VŨ	KNT	64	1	10	1	20	63	KH-THAC	Vietnamese
16	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	TD5	87	1	9	3	40	72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH HIỆU	TD5	91	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	TD5	88-89	2	12			65	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN ANH ĐỨC	TD5	90	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG QUANG BÌNH	TD5	85	1	5			54	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	15	1.099	24	156	5	40	0		
2	TD5	5	320	6	43	3	40	16		CHUYEN 1 PAX TD5-KNT
3	KNT.	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		20	1.419	30	199	8	80	22		
WEIGHT KG			1.419		199		80			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

BUI T HIEN LUONG

CREW

BUI HOÀNG DƯƠNG
HÀ XUÂN TRƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: BK15 - TTC1 - TTC3	CREW: HÙNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/2864	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TIÊN HOANG SON	BK15	70	1	4			88	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN QUANG HOANG	BK15	68	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HUY	BK15	72-73	2	10			68	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU TIÊN THANH	BK15	69	1	6	2	28	76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CHÍ CÔNG	BK15	74-75	2	11			91	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG THAI ANH	BK15	78	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ HỮU CHÍNH	BK15	71	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TẠ HOAN	BK15	76-77	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TTC1	79-80	2	11			47	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	TTC1	77	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH TOÀN	TTC1	75-76	2	16			114	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHƯƠNG	TTC1	74	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HUY	TTC1	72-73	2	19			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH AN	TTC1	78	1	6			60	PSV	Vietnamese
15	CHU ĐỨC HÙNG	TTC3	99	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC CHUNG	TTC3	04	1	4	1	5	57	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TUẤN MẠNH	TTC3	06	1	4	3	45	70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	TTC3	05	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM SƠN	TTC3	100	1	14			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				PCS
1	BK15	8	589	11	65	2	28	9 + 1	CHUYEN 1 PAX BK15-TTC1
2	TTC1	6	432	9	72	0	0	7	
3	TTC3	5	342	5	37	4	50	5	
TOTAL		19	1.363	25	174	6	78	21	
WEIGHT KG			1.363		174		78		

GRAND TOAL: 1.615 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ HẰNG

LÊ QUÝ HÙNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:20
B.CARD: CAM-3	TO: P8 - KNT	CREW: DƯƠNG - SON - TOAN	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/2870	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VINH DUNG	P8	34	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HOANG GIANG	P8	30	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI QUAN	P8	29	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN BẠC	P8	33	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG TRI NAM	P8						84	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN KHIÊM HIỆU	P8	31-32	2	17			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ ANH	P8	26-27	2	14			76	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ANH CUÔNG	P8	21-22	2	21	3	60	73	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TUẤN	P8	24-25	2	17			53	XAYLAP	Vietnamese
10	NGÔ ANH QUỐC	P8	23	1	14	1	18	66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN PHÚ	P8	28	1	3			55	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁNH CHÂN	P8	35	1	4			57	PSV	Vietnamese
13	VÕ THÀNH LAM	KNT	89	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LONG	KNT	92	1	15			76	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI THỌ DUNG	KNT	91	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	KNT	63	1	8	2	37	69	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	KNT	61	1	7			59	GETRACO	Vietnamese
18	PHẠM THẾ DƯƠNG	KNT	90	1	6			54	GETRACO	Vietnamese
19	ĐỖ QUỐC THANH MINH	KNT	62	1	11			86	CODIEN	Vietnamese
20	CAO MINH THAI	KNT	88	1	11			73	CODIEN	Vietnamese
21	LÊ TUẤN ANH	KNT	86-87	2	14			78	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	12	808	15	118	4	78	3		
2	KNT	9	619	10	85	2	37	19		
TOTAL		21	1.427	25	203	6	115	22		
WEIGHT KG			1.427		203		115			

GRAND TOAL: 1.745 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

BUI HOÀNG DƯƠNG

PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/07/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: BK21 - P6 - SAVR	CREW: XHOÀN - HTRUNG - TỬ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09	VNHS FLIGHT: TM25/2867		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	DƯƠNG ĐỨC HIÊU	BK21	30	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	BK21	25-26	2	14			79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HUY	BK21	28-29	2	19			75	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG VĂN CƯỜNG	BK21	27	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HUY THAI	P6	72	1	5	5	80	78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO KIM SÂM	P6	71	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P6	78	1	13			66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH CHUNG	P6	85-86	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG HUY	P6	74	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN XUÂN KHÁNH	P6	83	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P6	76-77	2	11			67	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN NGUYỄN MINH TRƯỜNG	P6	81	1	9			78	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ QUANG ĐƯƠNG	P6	75	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	P6	82	1	7			72	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH HOÀN	P6	70	1	8			75	PSV	Vietnamese
16	ĐẶNG XUÂN ĐƯƠNG	P6	73	1	5			66	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HUY	P6	84	1	9			90	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY CẢNH	P6	79	1	4			56	PSV	Vietnamese
19	HÀ XUÂN THÀNH	P6	80	1	4			111	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM BA KHÁNH	SAVR	81	1	12	2	19	76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	4	310	6	50	0	0	2		
2	P6	15	1.088	17	118	5	80	12		
3	SAVR	1	76	1	12	2	19	7		
TOTAL		20	1.474	24	180	7	99	21		
WEIGHT KG			1.474		180		99			

GRAND TOAL: 1.753 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG